

THÔNG BÁO

Kết quả giám sát về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn Thị xã Hồng Lĩnh

Ngày 13 tháng 5 năm 2015, Đoàn giám sát chuyên đề về “Công tác quản lý quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh” đã tiến hành khảo sát tại một số mỏ khai thác khoáng sản, làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân Thị xã Hồng Lĩnh, Công ty Phát triển công nghiệp xây lắp và thương mại Hà Tĩnh, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phát triển Miền núi. Cùng tham dự có đồng chí Nguyễn Thị Nữ Y - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thị xã Hồng Lĩnh, Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; lãnh đạo các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Cục Thuế, Lao động-Thương binh và Xã hội; Thường trực Hội đồng nhân dân, Lãnh đạo Chi cục Thuế Thị xã Hồng Lĩnh; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Đậu Liêu.

Sau khi nghe các đơn vị báo cáo, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu, Đoàn giám sát thông báo nội dung, kết quả cụ thể như sau:

1. Những kết quả đạt được

Thực hiện Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 và các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Chính phủ, bộ, ngành trung ương, Nghị quyết số 123/2010/NQ-HĐND ngày 30/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Các văn bản qui định, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai của UBND tỉnh. UBND Thị xã, các phường, xã, đơn vị đã phối hợp với các sở, ngành trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng, quản lý quy hoạch điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản trên địa bàn; cho thuê đất, sử dụng hạ tầng kỹ thuật; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực hoạt động khai thác khoáng sản; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền; Hội đồng Nhân dân Thị xã đã tổ chức giám sát việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, chế biến đá ở khu vực Cống Khánh, phường Đậu Liêu¹.

Trước năm 2013, trên địa bàn Thị xã quy hoạch 05 điểm mỏ vật liệu xây dựng²; theo đó, UBND tỉnh đã cấp 27 giấy phép cho 19 doanh nghiệp thực hiện khai thác 20 mỏ đá xây dựng (Phụ lục 1).

¹ Báo cáo kết quả giám sát số 27/BC-HĐND ngày 06/06/2013.

²Theo Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác chế biến quặng sắt và mangan tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006-2015 (đối với các mỏ nhỏ); Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 13/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2007- 2015, có xét đến 2020.

Thực hiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020³ của Hội đồng nhân dân tỉnh, hiện nay trên địa bàn Thị xã có 13 mỏ có giấy phép do UBND tỉnh cấp đang còn hiệu lực khai thác (*Phụ lục 2*).

Kết quả hoạt động khai thác chế biến tiêu thụ khoáng sản của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu về vật liệu xây dựng và đóng góp cho sự phát triển KT-XH của địa phương, giải quyết việc làm tại chỗ cho hơn 500 lao động, với mức lương bình quân khoảng 3,5-4,0 triệu đồng /tháng và tăng thu ngân sách nhà nước. Sản lượng khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản bình quân hàng năm là 857.009 m³ đá xây dựng, đạt 74% tổng công suất khai thác theo các giấy phép được cấp (1.157.000 m³); Giai đoạn 2011-2015, tổng thu ngân sách đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thị xã đạt 38.227 triệu đồng⁴ (*Phụ lục 5*).

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn Thị xã còn một số hạn chế. Cụ thể là:

(1). Công tác kiểm tra, giám sát và áp dụng các biện pháp quản lý tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, an toàn lao động; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản trên địa bàn Thị xã chưa được thường xuyên. Vẫn đề xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng trên địa bàn⁵. Việc cấp phép không tuân thủ theo quy hoạch, tổng diện tích các mỏ được cấp phép và đang hoạt động (40,59 ha) lớn hơn diện tích các điểm mỏ theo quy hoạch (33 ha). Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất làm bãi chứa cát chưa đúng quy định (hộ kinh doanh Thân Văn Trọng).

(2). Sản lượng khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản chưa đạt so với kế hoạch khai thác theo giấy phép được cấp, do đó ảnh hưởng đến kế hoạch thu nộp ngân sách nhà nước. Hàng năm chưa tổng hợp được tình hình, kết quả hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn (sản lượng khai thác chế biến, số thu nộp ngân sách về thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền thuê đất, cấp quyền khai thác khoáng sản...). Chưa kiểm soát được sản lượng khai thác thực tế so với công suất khai thác theo giấy phép và báo cáo của doanh nghiệp. Hiện nay, cơ quan thuế chỉ tính toán và thu các khoản thuế, phí dựa trên sản lượng tiêu thụ do doanh nghiệp kê khai. Theo kế hoạch (giấy phép), riêng tiền thu từ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền thuê đất cho hoạt động khoáng sản trên địa bàn Thị xã phải nộp ngân sách Nhà nước hàng năm là 10.955 triệu đồng.

Tuy vậy, theo số liệu báo cáo của ngành Thuế, kết quả thực hiện trong 4 năm (2011-2014) mới đạt 26.914 triệu đồng. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp trong năm 2015 là 3.531 triệu đồng (*Phụ lục 4,5,6*).

³ Nghị quyết số 74/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trên địa bàn Thị xã được quy hoạch 02 điểm mỏ đá xây dựng với diện tích 33 ha: Đá xây dựng Núi Ông 1 tại phường Đạ Liêu, TX. Hồng Lĩnh và xã Vương Lộc-Thiên Lộc, huyện Can Lộc; Đá xây dựng Đạ Liêu tại phường Đạ Liêu

⁴ Thuế tài nguyên: 8.881 triệu đồng; Thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.014 triệu đồng; Tiền thuê đất đã nộp 1.630 triệu đồng; Phí bảo vệ môi trường: 3.355 triệu đồng; Tiền cấp quyền: 4.144 triệu đồng.

⁵ Hợp tác xã khai thác kinh doanh đá xây dựng Tân Hồng - năm 2011 chết 01 người; Công ty Cổ phần Xây dựng đường bộ số 1 Hà Tĩnh - năm 2012 chết 01 người; Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng - năm 2012 chết 01 người; HTX khai thác đá xây dựng Minh Tân - năm 2014 chết 01 người.

(3). Đã kiểm tra soát xét, và cơ bản thực hiện các nội dung tại Thông báo kết luận số 305/KL-UBND ngày 19/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản dọc hai bên Quốc lộ 8B, tuy vậy một số nội dung chưa đáp ứng yêu cầu như: quy trình đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, trồng cây xanh, làm đường gom. Thủ tục cấp phép, thu hồi, xử lý tồn tại còn rất chậm gây bức xúc đối với các doanh nghiệp, đơn vị khai thác, như Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh và Hợp tác xã Tân Hồng sau một năm hết hạn giấy phép mới được cấp phép trở lại. Theo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành (Tại Báo cáo số 03/BC-ĐKT ngày 19/7/2013) xác định có 8 mỏ được phép khai thác đến ngày 30/12/2015 và sau đó sẽ tiếp tục xem xét, nhưng trong đó có 3 giấy phép được cấp đã hết hạn khai thác nhưng vẫn không được gia hạn hoặc làm thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định (Hợp tác xã Hồng Minh giấy phép hạn đến 18/11/2012, Công ty cổ phần Lạc An, giấy phép hết hạn đến 21/09/2014, Công ty cổ phần Sông Đà 27, giấy phép hết hạn đến 25/02/2013). Việc thông báo tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn chậm, cơ quan thuế không cập nhật kịp thời, chậm tiến độ thu NSNN.

(4). Các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn chưa chấp hành nghiêm các quy định, còn để xảy ra nhiều sai phạm:

Trong số 27 giấy phép đã được cấp phép khai thác khoáng sản có 03 giấy phép chưa có thiết kế mỏ, 10 giấy phép chưa ký hợp đồng thuê đất, 04 mỏ chưa ký quỹ phục hồi môi trường, 06 mỏ không có thông báo giám đốc điều hành mỏ theo quy định (*Phụ lục 3*).

Một số mỏ sau 12 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực vẫn chậm triển khai để đưa vào hoạt động khai thác, như: Công ty cổ phần Lạc An, Công ty TNHH Hải Ngọc.

Một số cá nhân, đơn vị kinh doanh khoáng sản còn vi phạm về sử dụng đất, như: Công ty cổ phần đô thị và xây dựng Đại Thành-Xã Thuận Lộc thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa đúng quy định; Hộ Nguyễn Quốc Văn - Xã Thuận Lộc sử dụng đất chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không có hồ sơ bảo vệ môi trường, kinh doanh cát không rõ nguồn gốc và chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Ngân sách; Hộ Nguyễn Tiến Anh khai thác đất trái phép tại phường Đậu Liêu; Công ty cổ phần hợp tác kinh tế Việt Séc tại phường Đậu Liêu bán đất phong hóa trái phép;...

Hầu hết đơn vị khai thác không có nội quy về an toàn lao động, biển báo, chỉ dẫn an toàn, che chắn những vị trí nguy hiểm, không quy định giờ thực hiện nổ mìn phá đá; Theo báo cáo của thị xã, một số mỏ quy trình khai thác không đúng theo thiết kế thi công mỏ, một số mỏ được cấp phép không đảm bảo an toàn cho công trình và nhà dân như: Hợp tác xã khai thác đá Minh Tân, Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thủy.

Chấp hành chế độ chính sách đối với người lao động ở một số đơn vị chưa đúng quy định (về thành lập tổ chức công đoàn, bộ phận phụ trách công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động...). Theo báo cáo của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, có 11/27 mỏ chưa báo cáo số liệu về hợp đồng lao động, bảo hiểm xã

hội; các đơn vị còn lại, tính đến cuối năm 2014, nhiều chủ doanh nghiệp chưa thực hiện việc đóng BHXH cho người lao động (*Phụ lục 3*).

3. Kết luận và kiến nghị

Đoàn giám sát ghi nhận và đánh giá cao những kết quả đạt được về công tác quản lý quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn Thị xã Hồng Lĩnh trong những năm qua. Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như đã nêu, thể hiện vai trò trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, cơ quan đơn vị liên quan chưa cao; các đơn vị khai thác khoáng sản chấp hành chưa đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật về hoạt động khoáng sản. Để công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn Thị xã có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật, Đoàn giám sát kiến nghị:

(1). Ủy ban nhân dân Thị xã Hồng Lĩnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân và chính quyền các cấp trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản. Khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế theo kiến nghị của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến nghị của Hội đồng nhân dân Thị xã.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với 03 đơn vị khai thác khoáng sản chưa ký hợp đồng thuê đất, đó là: Công ty Cổ phần Xây dựng đường bộ số 1 Hà Tĩnh, Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam 1, Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh. Xử lý dứt điểm các tổ chức, cá nhân kinh doanh cát trái phép, sử dụng đất sai mục đích: Công ty cổ phần đô thị và xây dựng Đại Thành, Công ty cổ phần hợp tác kinh tế Việt Séc; Ông Nguyễn Quốc Văn - Xã Thuận Lộc; Ông Nguyễn Tiến Anh - phường Đậu Liêu;

Tổ chức kiểm tra, soát xét việc chấp hành quy trình đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, thanh toán tiền ký quỹ môi trường và truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các doanh nghiệp có các mỏ đã hết hạn và chuẩn bị hết hạn giấy phép khai thác.

Hàng quý, hàng năm thực hiện nghiêm việc tổng hợp báo cáo kết quả khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản, tình hình thu, nộp ngân sách nhà nước của các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn, công bố công khai để chính quyền và nhân dân địa phương tham gia giám sát.

(2). Sở Tài nguyên và Môi trường cần xem xét thực hiện kiến nghị của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân Thị xã, trong đó quan tâm xem xét giải quyết đồng bộ, kịp thời các hồ sơ thủ tục liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp trên các lĩnh vực đất đai, tài nguyên khoáng sản và môi trường để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động cũng như công tác quản lý Nhà nước ở địa phương. Làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục cấp phép, thu hồi, xử lý tồn tại, đóng cửa mỏ của 3 doanh nghiệp chưa được gia hạn giấy phép (Hợp tác xã Hồng Minh, Công ty cổ phần Lạc An, Công ty cổ phần Sông Đà 27) cấp phép chậm đối với như Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh và Hợp tác xã Tân Hồng. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện cam kết của các đơn vị khai khoáng trong công tác bảo vệ môi trường.

(3). Cục Thuế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đôn đốc các đơn vị nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Phụ lục 6*); phối hợp với Ủy ban nhân dân Thị xã Hồng Lĩnh trong việc chỉ đạo Chi cục thuế Thị xã tính toán các khoản thuế, phí còn thiếu của các doanh nghiệp; kiểm tra đối chiếu quy mô thuế, phí đối với hoạt động khoáng sản so với nguồn thực thu; kiểm tra giám sát việc kê khai thuế của đơn vị khai thác.

(4). Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các qui định pháp luật về hoạt động khoáng sản; xem xét kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thị xã Hồng Lĩnh về bổ sung Quy hoạch đá xây dựng khu vực phía Đông Quốc lộ 1A mới (quốc lộ 8B cũ) có khoảng cách đến đường Quốc lộ 1A và khu dân cư trên 800 m; Quy hoạch đất san lấp khu vực Khe Trâm phường Đậu Liêu.

Đối với các mỏ được phép khai thác đến hết thời hạn ghi trong giấy phép và đến ngày 30/12/2015, trên cơ sở rà soát quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sớm quyết định việc tiếp tục gia hạn hoặc đóng cửa mỏ để các đơn vị có kế hoạch ổn định sản xuất. Tạo điều kiện để các đơn vị thuộc danh mục bị đóng cửa mỏ tiếp cận khảo sát, thăm dò, cấp phép khai thác các mỏ mới theo quy hoạch điều chỉnh; có phương án hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết việc làm, thiệt hại về máy móc, trang thiết bị do phải ngừng sản xuất hoặc di chuyển mỏ. Trong đó, xem xét ưu tiên những đơn vị đã có đủ điều kiện để được cấp phép khai thác như Công ty TNHH MTV Phát triển miền núi. Đây là điểm mỏ đã khai thác đảm bảo đủ các điều kiện về khoảng cách an toàn từ ranh giới mỏ đến đường quốc lộ, hồ Đá Bạc và khu dân cư; đã đầu tư nguồn vốn khá lớn nhưng thời gian khai thác ngắn chưa kịp thu hồi; mặt khác nếu dừng khai thác chi phí hoàn trả, phục hồi môi trường là rất lớn; Việc tiếp tục cấp phép là phù hợp với tiêu chí xử lý trong lộ trình thu hồi, chấm dứt hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản dọc hai bên quốc lộ 8B, tại Thông báo số 305/KL-UBND ngày 19/08/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(5). Các đơn vị hoạt động khai thác mỏ trên địa bàn:

Chấp hành nghiêm quy định theo Giấy phép cấp mỏ, thực hiện nghiêm các biện pháp về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, chế độ chính sách cho người lao động; hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ còn thiếu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định, đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm, tận dụng hết tài nguyên khoáng sản.

Khẩn trương nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định.

Trên đây là thông báo nội dung kết quả và kiến nghị của Đoàn giám sát chuyên đề "*Công tác quản lý quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*" tại Thị xã Hồng Lĩnh. Đoàn giám sát thông báo và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Cục Thuế, Ủy ban nhân dân Thị xã Hồng Lĩnh, các phường xã, Chi cục Thuế Thị xã, các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa Thị xã thực hiện nghiêm túc; báo cáo kết quả thực hiện các nội dung kết luận và kiến nghị của Đoàn giám sát;

tiếp tục hoàn thiện báo cáo theo đề cương yêu cầu để Đoàn giám sát tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu còn nội dung vướng mắc, hoặc chưa rõ đề nghị báo cáo với Đoàn giám sát./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
 - UBND tỉnh;
 - Trưởng các ban HĐND tỉnh;
 - Thành viên Đoàn giám sát;
 - CVP ĐBQH & HĐND tỉnh;
 - Các sở, ngành: TNMT, LĐT&XH, CT, XD, Cục thuế;
 - Trưởng các đoàn chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thu NS năm 2015 theo QĐ số 1919/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh;
 - TTHĐND, UBND Thị xã Hồng Lĩnh;
 - Các đơn vị hoạt động khoáng sản tại địa bàn;
 - Lưu: VT, KTNS, TQĐ 37b.
- Gửi; Văn bản giấy và điện tử.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



**TRƯỞNG BAN KTNS HĐND TỈNH
Nguyễn Trí Lạc**

**PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁC MỎ HOẠT ĐỘNG TRƯỚC NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỒNG LĨNH***(Kèm theo Thông báo số 69/TB-ĐGS ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên đơn vị	Số GP	Ngày cấp	Thời hạn	Loại KS	Vị trí mỏ	Diện tích (Ha)	Công suất (m3/năm)	Tình trạng giấy phép
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Miền Núi	2648/GP-UBND	13/9/2010	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	1	48.000	Đã hết hạn
2		3598/GP-UBND	15/11/2013	30/12/2015	Đá XD	Đậu Liêu	1,8	65.000	Cấp lại GP
3	Công ty CP XD đường bộ số 1 Hà Tĩnh	2424/GP-UBND	22/7/2011	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	9,6	100.000	Đã hết hạn
4		2947/GP-UBND	10/8/2014	30/12/2015	Đá XD	Đậu Liêu	5,63	50.000	Cấp lại GP
5	Công ty CP PTCN XL và TM Hà Tĩnh	384 GP/UB-CN	9/4/1997	30 năm	Đá XD	Đậu Liêu	8	300.000	
6	Công ty CP Công nghiệp VN 1	1937/GP-UBND	29/6/2009	5 năm	Đá XD	Đậu Liêu	1,6	150.000	Đã hết hạn
7		1280/GP-UBND	14/4/2015	14/4/2025	Đá XD	Đậu Liêu	3,68	105.000	
8	Công ty CP HTKT Việt-Séc	2166/GP-UBND	1/8/2008	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	3	49.000	Đã hết hạn
9	Công ty CP Lạc An	2957/GP-UBND	21/9/2009	5 năm	Đá XD	Đậu Liêu	4,5	45.000	Đã hết hạn
10	Công ty CP Phú Hoàng	2778/GP-UBND	3/10/2008	5 năm	Đá XD	Đậu Liêu	1,1	45.000	Đã hết hạn
11		3025/GP-UBND	26/9/2013	30/12/2015	Đá XD	Đậu Liêu	0,9	30.000	Cấp lại GP
12	Công ty CP Sông Đà 27	1132/GP-UBND	22/4/2009	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	2,3	30.000	Đã hết hạn
13		521/GP-UBND	25/02/2010	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	1	45.000	Đã hết hạn
14	Công ty CTGT và TM 423	2528/GP-UBND	17/8/2009	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	0,5	24.000	Đã hết hạn
15	Công ty KL màu Nghệ Tĩnh	823/GP-UBND	28/3/2014	30/12/2015	Đá XD	Đậu Liêu	1,7	55.000	Cấp lại GP
16	Công ty TNHH Hải Ngọc	229/GP-UBND	25/01/2011	5 năm	Đá XD	Đậu Liêu	2	48.000	
17	Công ty TNHH Hải Sơn Long	2797/GP-UBND	24/8/2011	13/6/2013	Đá XD	Đậu Liêu	1	40.000	Đã hết hạn
18	Công ty TNHH Thanh Bình	1834/GP-UBND	28/6/2010	5 năm	Đá XD	Đậu Liêu	4	48.000	
19	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thủy	3013/GP-UBND	27/10/2008	5 năm	Đá XD	Đậu Liêu	1,1	49.000	Đã hết hạn
20		3319/GP-UBND	25/10/2013	30/12/2015	Đá XD	Đậu Liêu	0,8	36.000	Cấp lại GP
21	HTX khai thác đá xây dựng Minh Tân	3368/GP-UBND	12/11/2012	30/6/2014	Đá XD	Đậu Liêu	5,38	45.000	Đã hết hạn
22	HTX khai thác kinh doanh đá xây dựng Tân Hồng	3989/GP-UBND	11/12/2009	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	3	45.000	Đã hết hạn
23		4391/GP-UBND	30/12/2013	30/12/2015	Đá XD	Đậu Liêu	3	45.000 195.000	
24	HTX Hồng Minh	3638/GP-UBND	18/11/2009	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	2,5	45.000	Đã hết hạn
25	Tổng Công ty hợp tác kinh tế	2640/GP-UBND	11/9/2012	3 năm	Đá XD	Đậu Liêu	2,2	22.000	
26	XN KT đá và XD tư nhân Hồng Lam	1126/GP-UBND	24/4/2013	30/4/2014	Đá XD	Đậu Liêu	1,5	30.000	Đã hết hạn
27		825/GP-UBND	28/3/2014	30/12/2015	Đá XD	Đậu Liêu	1,5	30.000	Cấp lại GP

Ghi chú: Nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường
Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, bổ sung số liệu và xác nhận tính đúng đắn của số liệu trong phụ lục này.

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC MỎ ĐANG CÓ GIẤY PHÉP CÒN HIỆU LỰC KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỒNG LĨNH

(Kèm theo Thông báo số 69/TB-ĐGS ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Tên đơn vị	Tình hình hoạt động		Thuê đất	Loại KS	Địa điểm (xã)	Giấy phép		Thời hạn (năm)	Diện tích (Ha)	Công suất (m3/năm)	Ghi chú
		Đã KT	Chưa KT				Số	Ngày				
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Miền Núi	x		x	Đá	Đậu Liêu	3598/GP-UBND	15/11/2013	30/12/2015	1,8	65.000	
2	Công ty CP XD đường bộ số 1 Hà Tĩnh	x		chưa	Đá	Đậu Liêu	2947/GP-UBND	8/10/2014	30/12/2015	5,63	50.000	
3	Công ty CP PTCN XL và TM Hà Tĩnh	x		x	Đá	Đậu Liêu	384 GP/UB-CN 08/1999QĐ/UB-CN	9/4/1997 4/1/1999	9/4/2027	8	300.000	
4	Công ty CP Công nghiệp VNI	x		chưa	Đá	Đậu Liêu	1280/GP-UBND	14/4/2015	14/4/2025	3,68	105.000 ng. khai	
5	Công ty CP Phú Hoàng	x		x	Đá	Đậu Liêu	3025/GP-UBND	26/9/2013	30/12/2015	0,9	30.000	
6	Công ty KL màu Nghệ Tĩnh	x		chưa	Đá	Đậu Liêu	823/GP-UBND	28/3/2014	30/12/2015	1,7	55.000	
7	Công ty TNHH Hải Ngọc	x		x	Đá	Đậu Liêu	229/GP-UBND	25/01/2011	5	2	48.000	
8	Công ty TNHH Thanh Bình	x		x	Đá	Đậu Liêu	1834/GP-UBND	28/6/2010	5	4	48.000	
9	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thủy	x		x	Đá	Đậu Liêu	3319/GP-UBND	25/10/2013	30/12/2015	0,8	36.000	
10	HTX khai thác đá xây dựng Minh Tân	x		x	Đá	Đậu Liêu	3368/GP-UBND	11/12/2012	30/12/2015	5,38	45.000	
11	HTX khai thác kinh doanh đá xây dựng Tân Hồng	x		x	Đá	Đậu Liêu	4391/GP-UBND	30/12/2013	30/12/2015	3	45000 195000	
12	Tổng Công ty hợp tác kinh tế	x		x	Đá	Đậu Liêu	2640/GP-UBND	9/11/2012	3	2,2	22.000	
13	XN KT đá và XD tư nhân Hồng Lam	x		x	Đá	Đậu Liêu	825/GP-UBND	28/3/2014	30/12/2015	1,5	30.000	

Ghi chú: Nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, bổ sung số liệu và xác nhận tính đúng đắn của số liệu trong phụ lục này.



PHỤ LỤC 3: TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỒNG LĨNH

(Kèm theo Thông báo số 69/TB-ĐGS ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số GP	Ngày cấp	Việc chấp hành các quy định của pháp luật				Hợp đồng lao động		Số người đóng BHXH (người)	Ghi chú
				Thiết kế mỏ	Ký HĐĐĐ/ QĐ cho thuê đất	Thông báo Quyết định GĐ ĐH mỏ	Ký quỹ cải tạo, PHMT	Tổng số LĐ (người)	Đã ký trên 3 tháng (người)		
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Miền Núi	2648/GP-UBND	13/9/2010	Có	Có	Có	-	26	26	0	*
2		3598/GP-UBND	15/11/2013	Có	Chưa	Có	Đã ký	-	-	-	*
3	Công ty CP XD đường bộ số 1 Hà Tĩnh	2424/GP-UBND	22/7/2011	Có	Có	Có	Đã ký	176	147	107	
4		2947/GP-UBND	10/8/2014	Có	Chưa	Chưa	-	176	147	107	
5	Công ty CP PTCN XL và TM Hà Tĩnh	384 GP/UB-CN	9/4/1997	Có	Có	Có	Đã ký	580	580	112	
6	Công ty CP Công nghiệp VN 1	1937/GP-UBND	29/6/2009	Có	Có	Có	Đã ký	85	85	60	
7		1280/GP-UBND	14/4/2015	Chưa	Chưa	Chưa	-	-	-	-	
8	Công ty CP HTKT Việt-Séc	2166/GP-UBND	1/8/2008	-	Có	-	-	-	-	-	*
9	Công ty CP Lạc An	2957/GP-UBND	21/9/2009	Chưa	Chưa	Chưa	Đã ký	30	25	25	
10	Công ty CP Phú Hoàng	2778/GP-UBND	3/10/2008	-	-	-	-	-	-	-	
11		3025/GP-UBND	26/9/2013	Có	Chưa	Có	Đã ký	22	21	9	
12	Công ty CP Sông Đà 27	1132/GP-UBND	22/4/2009	-	Có	-	-	128	128	93	
13		521/GP-UBND	25/02/2010	Có	Chưa	Có	Chưa ký	128	128	93	
14	Công ty CTGT và TM 423	2528/GP-UBND	17/8/2009	-	Có	-	-	-	-	-	*
15	Công ty KL màu Nghệ Tĩnh	823/GP-UBND	28/3/2014	Có	Có	Có	Chưa ký	19	19	-	*
16	Công ty TNHH Hải Ngọc	229/GP-UBND	25/01/2011	Có	Có	Chưa	Chưa ký	41	39	11	

STT	Tên đơn vị	Số GP	Ngày cấp	Việc chấp hành các quy định của pháp luật				Hợp đồng lao động		Số người đóng BHXH (người)	Ghi chú
				Thiết kế mỏ	Ký HĐLĐ/ QĐ cho thuê đất	Thông báo Quyết định GD ĐH mỏ	Ký quỹ cải tạo, PHMT	Tổng số LĐ (người)	Đã ký trên 3 tháng (người)		
17	Công ty TNHH Hải Sơn Long	2797/GP-UBND	24/8/2011	Chưa	Chưa	Chưa	-	17	16	0	*
18	Công ty TNHH Thanh Bình	1834/GP-UBND	28/6/2010	Có	Có	Có	Chưa ký	45	45	15	
19	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thủy	3013/GP-UBND	27/10/2008	Có	Có	Có	-	20	20	6	
20		3319/GP-UBND	25/10/2013	Có	Chưa	Có	Đã ký	20	20	6	
21	HTX nông nghiệp Hồng Minh	3638/GP-UBND	18/11/2009	Có	Chưa	Có	Đã ký	25	15	0	
22	HTX khai thác đá xây dựng Minh Tân	3368/GP-UBND	12/11/2012	Có	Có	Có	Đã ký	65	65	27	
23	HTX khai thác kinh doanh đá xây dựng Tân Hồng	3989/GP-UBND	11/12/2009	Có	Có	Có	-	37	37	6	
24		4391/GP-UBND	30/12/2013	Có	Chưa	Có	Đã ký	37	37	6	
25	Tổng Công ty hợp tác kinh tế	2640/GP-UBND	11/9/2012	Có	Có	Có	Đã ký	-	-	-	*
26	XN KT đá và XD tư nhân Hồng Lam	1126/GP-UBND	24/4/2013	Có	Có	Có	Đã ký	22	21	14	
27		825/GP-UBND	28/3/2014	Có	Có	Chưa	-	22	21	14	

Ghi chú: Nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, Sở Lao Động-Thương binh và xã hội
 Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, Sở Lao Động-Thương binh và xã hội kiểm tra, bổ sung số liệu và xác nhận tính đúng đắn của số liệu trong phụ lục này.

* : Không có tên trong danh sách kết quả điều tra năm 2014 và không có trong danh sách tham gia BHXH



PHỤ LỤC 4: NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM THEO KẾ HOẠCH (GIẤY PHÉP) CỦA HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỒNG LĨNH

(Kèm theo Thông báo số 69/TB-ĐGS ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số GP	Loại KS	Diện tích (Ha)	Công suất (m3/năm)	Thuê đất		Thuế tài nguyên		Đơn giá tính phí BVMT (đồng)	Quy mô Thuế, phí theo quy định của UBND tỉnh			
						Đơn giá (đồng)	Tỉ lệ tính đơn giá thuê đất	Đơn giá tính thuế tài nguyên (đồng)	Thuế suất		Thuế Tài nguyên (Triệu đồng)	Tiền thuê đất phải nộp (Triệu đồng)	Phí BVMT (Triệu đồng)	Tổng (Triệu đồng)
TỔNG				55	1.157.000						8.099	831	2.025	10.955
CỤC THUẾ QUẢN LÝ				15	415.000						2.905	231	726	3.863
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Miền Núi	2648/GP-UBND	Đá XD	1	48.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	336	15	84	435
		3598/GP-UBND	Đá XD	1,8	65.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	455	27	114	596
2	Công ty CP XD đường bộ số 1 Hà Tĩnh	2424/GP-UBND	Đá XD	9,6	100.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	700	144	175	1.019
		2947/GP-UBND	Đá XD	5,63	50.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	350	84	88	522
3	Công ty CP PTCN XL và TM Hà Tĩnh	384 GP/UB-CN	Đá XD	8	300.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	2.100	120	525	2.745
CHI CỤC THUẾ THỊ XÃ QUẢN LÝ				40	742.000						5.194	599	1.299	7.092
1	Công ty CP Công nghiệp VN 1	1937/GP-UBND	Đá XD	1,6	150.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	1.050	24	263	1.337
		1280/GP-UBND	Đá XD	3,68	105.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	735	55	184	974
2	Công ty CP HTKT Việt-Séc	2166/GP-UBND	Đá XD	3	49.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	343	45	86	474
3	Công ty CP Lạc An	2957/GP-UBND	Đá XD	4,5	45.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	315	68	79	461
4	Công ty CP Phú Hoàng	3025/GP-UBND	Đá XD	0,9	30.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	210	14	53	276
5	Công ty CP Sông Đà 27	1132/GP-UBND	Đá XD	2,3	30.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	210	35	53	297
		521/GP-UBND	Đá XD	1	45.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	315	15	79	409
6	Công ty CTGT và TM 423	2528/GP-UBND	Đá XD	0,5	24.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	168	8	42	218

STT	Tên đơn vị	Số GP	Loại KS	Diện tích (Ha)	Công suất (m3/năm)	Thuê đất		Thuế tài nguyên		Đơn giá tính phí BVMT (đồng)	Quy mô Thuế, phí theo quy định của UBND tỉnh			
						Đơn giá (đồng)	Tỉ lệ tính đơn giá thuê đất	Đơn giá tính thuế tài nguyên (đồng)	Thuế suất		Thuế Tài nguyên (Triệu đồng)	Tiền thuế đất phải nộp (Triệu đồng)	Phí BVMT (Triệu đồng)	Tổng (Triệu đồng)
7	Công ty KL màu Nghệ Tĩnh	823/GP-UBND	Đá XD	1,7	55.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	385	26	96	507
8	Công ty TNHH Hải Ngọc	229/GP-UBND	Đá XD	2	48.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	336	30	84	450
9	Công ty TNHH Hải Sơn Long	2797/GP-UBND	Đá XD	1	40.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	280	15	70	365
10	Công ty TNHH Thanh Bình	1834/GP-UBND	Đá XD	4	48.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	336	60	84	480
11	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thủy	3013/GP-UBND	Đá XD	1,1	49.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	343	17	86	445
		3319/GP-UBND	Đá XD	0,8	36.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	252	12	63	327
12	HTX khai thác đá xây dựng Minh Tân	3368/GP-UBND	Đá XD	5,38	45.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	315	81	79	474
13	HTX khai thác kinh doanh đá xây dựng Tân Hồng	3989/GP-UBND	Đá XD	3	45.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	315	45	79	439
		4391/GP-UBND	Đá XD	3	45.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	315	45	79	439
14	HTX nông nghiệp Hồng Minh	3638/GP-UBND	Đá XD	2,5	45.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	315	38	79	431
15	Tổng Công ty hợp tác kinh tế	2640/GP-UBND	Đá XD	2,2	22.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	154	33	39	226
16	XN KT đá và XD tư nhân Hồng Lam	1126/GP-UBND	Đá XD	1,5	30.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	210	23	53	285
		825/GP-UBND	Đá XD	1,5	30.000	150.000	1%	100.000	7%	1.750	210	23	53	285

Ghi chú: Nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường
Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, bổ sung số liệu và xác nhận tính đúng đắn của số liệu trong phụ lục này.

STT	Tên đơn vị	Số GP	Khối lượng			Đóng nộp ngân sách (Triệu đồng)									
			Kế hoạch khai thác theo GP (m3)	Năm thực hiện	Sản lượng tiêu thụ (m3)	Tổng	Thuế Tài nguyên	Thuế xuất khẩu khoáng sản (nếu có)	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tiền thuế đất đã nộp	Phí BVMT	Thu phạt xử lý vi phạm hành chính	Tiền cấp quyền		
				2014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Công ty CP Phú Hoàng	3025/GP-UBND	30.000	2013	32.861,0	200,0	131,0		1,0	10,0	58,0				
				2014	29.230,0	570,0	226,0		4,0	19,0	82,0		239,0		
				2015	10.849,0	165,0	108,0		22,0		35,0				
5	Công ty CP Sông Đà 27	1132/GP-UBND	30.000	2011	-	21,0	-		-	21,0	-	-			
				2012	-	21,0	-	-	-	21,0	-	-			
		521/GP-UBND	45.000	2011	5,1	30,4	30,4		-	-	-	-	-		
				2012	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
				2013	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
6	Công ty CTGT và TM 423	2528/GP-UBND	24.000	2011	10.000,0	269,0	63,0			196,0	10,0				
				2012			-								
7	Công ty KL màu Nghệ Tĩnh	823/GP-UBND	55.000	2014	48.351,0	1.046,0	381,0				145,0		520,0		
				2015	15.283,0	147,0	107,0		5,0		35,0				
8	Công ty TNHH Hải Ngọc	229/GP-UBND	48.000	2011	-	-									
				2012	-	-									
				2013	-	-									
				2014	3.868,0	479,0	30,0		31,0		21,0		397,0		
				2015	1.668,0	50,0	30,0				20,0				
9	Công ty TNHH Hải Sơn Long	2797/GP-UBND	40.000	2011		-									
				2012		-									
				2013		-									
10	Công ty TNHH Thanh Bình	1834/GP-UBND	48.000	2011		83,0				83,0					
				2012		20,0				20,0					
				2013		-									
				2014		-									
				2015		-									
11	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thủy	3013/GP-UBND	49.000	2011	29.346,0	207,0	176,0			2,0	29,0				
				2012	28.404,0	156,0	96,0		18,0	2,0	40,0				
				2013	21.534,0	284,0	200,0			2,0	82,0				
		3319/GP-UBND	36.000	2013	9.720,0	93,0	47,0		6,0		40,0				
				2014	39.886,0	893,0	379,0		59,0	21,0	147,0		287,0		
				2015	13.657,0	198,0	125,0			18,0	55,0				

STT	Tên đơn vị	Số GP	Khối lượng			Đóng nộp ngân sách (Triệu đồng)							
			Kế hoạch khai thác theo GP (m3)	Năm thực hiện	Sản lượng tiêu thụ (m3)	Tổng	Thuế Tài nguyên	Thuế xuất khẩu khoáng sản (nếu có)	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tiền thuế đất đã nộp	Phí BVMT	Thu phạt xử lý vi phạm hành chính	Tiền cấp quyền
12	HTX nông nghiệp Hồng Minh	3638/GP-UBND	45.000	2011	15.693,0	76,0	65,0				11,0		
				2012	27.951,0	161,0	101,0				60,0		
13	HTX khai thác đá xây dựng Minh Tân	3368/GP-UBND	45.000	2012	16.188,0	91,0	55,0			-	36,0		
				2013	75.192,0	562,0	346,0		14,0	90,0	112,0		
				2014	59.798,0	887,0	453,0		24,0	154,0	168,0		88,0
				2015	18.359,0	384,0	164,0		119,0	50,0	51,0		
14	HTX khai thác kinh doanh đá xây dựng Tân Hồng	4391/GP-UBND	45.000	2013	62.234,0	871,0	656,0		23,0		192,0		
				2014	49.058,0	2.588,0	408,0			123,0	137,0		1.920,0
		3989/GP-UBND	45.000	2011	23.709,0	117,0	99,0		1,0		17,0		
				2012	30.194,0	273,0	205,0				68,0		
15	Tổng Công ty hợp tác kinh tế	2640/GP-UBND	22.000	2012	63.364,0	611,0	380,2	-	-	71,8	159,0	-	
				2013	39.082,5	411,4	234,5	-	-	71,8	105,1	-	
				2014	28.404,1	497,5	198,8	-	-	69,7	79,9	-	149,0
				2015	3.098,4	130,2	21,7	-	-	100,0	8,5	-	
16	XN KT đá và XD tư nhân Hồng Lam	1126/GP-UBND	30.000	2013	23.180,0	348,0	147,0			136,0	65,0		
				2014	23.105,0	652,0	170,0			167,0	65,0		250,0
				2015	7.335,0	122,0	70,0		28,0		24,0		
		825/GP-UBND	30.000	2014			-						
				2015			-						

Ghi chú: Nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của Cục thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, Chi cục thuế huyện kiểm tra, bổ sung số liệu và xác nhận tính đúng đắn của số liệu trong phụ lục này.

PHỤ LỤC 6: DANH SÁCH VÀ SỐ TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN PHẢI NỘP NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỒNG LĨNH

(Kèm theo Thông báo số 69/TB-DGS ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Loại KS	Địa điểm (xã, phường)	Giấy phép	Tổng số tiền cấp quyền phải nộp	Số lần phải nộp	Số tiền mỗi lần nộp	Tiền cấp quyền năm 2014			Số tiền phải nộp năm 2015	Tổng phải nộp trong năm 2015	Ghi chú
								Số tiền phải nộp năm 2014	Số tiền đã nộp năm 2014	Số tiền truy thu năm 2014			
					25.723.733.812		9.942.682.066	9.032.985.653	6.996.861.280	2.036.124.373	1.495.354.521	3.531.478.893	
1	Công ty CP Công nghiệp VN 1	Đá	Đậu Liêu	1937/GP-BND 29/06/2009	426.657.534	1	426.657.534	426.657.534	294.000.000	132.657.534		132.657.534	Đã hết hạn
		Đá	Đậu Liêu, Vượng Lộc	1280/GP-UBND 14/04/2015	4.548.482.067	5	909.696.413				281.127.911	281.127.911	Truy thu năm 2015
2	Công ty CP Lạc An	Đá	Đậu Liêu	2957/GP-UBND 21/09/2009	188.063.014	1	188.063.014	188.063.014	129.600.000	58.463.014		58.463.014	Đã hết hạn
3	Công ty CP Phú Hoàng	Đá	Đậu Liêu	3025/GP-UBND 26/09/2013	347.046.575	1	347.046.575	347.046.575	238.800.000	108.246.575		108.246.575	
4	Công ty CP XD đường bộ số 1 Hà Tĩnh	Đá	Đậu Liêu	2424/GP-UBND 22/07/2011	320.986.301	1	320.986.301	320.986.301	220.000.000	100.986.301		100.986.301	Đã hết hạn
		Đá	Đậu Liêu	2947/GP-UBND 08/10/2014	427.134.247	1	427.134.247	427.134.247	311.999.000	115.135.247		115.135.247	
5	Công ty KL màu Nghệ Tĩnh	Đá	Đậu Liêu	823/GP-UBND 28/03/2014	572.420.556	1	572.420.556	572.420.556	519.746.400	52.674.156		52.674.156	
6	Công ty phát triển công nghiệp Hà Tĩnh	Đá	Đậu Liêu	384 GP/UB-CN 09/04/1997	13.154.121.600	13	1.011.855.508	1.011.855.508	1.674.796.000	-662.940.492	1.214.226.609	551.286.117	
7	Công ty TNHH Hải Ngọc	Đá	Đậu Liêu	229/GP-UBND 25/01/2011	575.105.753	1	575.105.753	575.105.753	397.440.000	177.665.753		177.665.753	
8	Công ty TNHH MTV Phát triển Miền Núi	Đá	Đậu Liêu	3598/GP-UBND 15/11/2013	751.934.247	1	751.934.247	751.934.247	517.400.000	234.534.247		234.534.247	
9	Công ty TNHH Thanh Bình	Đá	Đậu Liêu	1834/GP-UBND 28/06/2010	135.767.671	1	135.767.671	135.767.671	0	135.767.671		135.767.671	
10	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thủy	Đá	Đậu Liêu	3319/GP-UBND 25/10/2013	416.455.890	1	416.455.890	416.455.890	286.560.000	129.895.890		129.895.890	
11	HTX khai thác đá xây dựng Minh Tân	Đá	Đậu Liêu	3368/GP-UBND 12/11/2012	520.569.863	1	520.569.863	520.569.863	88.200.000	432.369.863		432.369.863	
12	HTX khai thác kinh doanh đá xây dựng Tân Hồng	Đá	Đậu Liêu	4391/GP-UBND 30/12/2013	2.776.372.603	1	2.776.372.603	2.776.372.603	1.920.000.000	856.372.603		856.372.603	
13	Tổng Công ty hợp tác kinh tế	Đá	Đậu Liêu	2640/GP-UBND 11/09/2012	216.046.027	1	216.046.027	216.046.027	148.720.000	67.326.027		67.326.027	
14	XN KT đá và XD tư nhân Hồng Lam	Đá	Đậu Liêu	1126/GP-UBND 24/04/2013	40.520.548	1	40.520.548	40.520.548	39.600.000	920.548		920.548	Đã hết hạn
		Đá	Đậu Liêu	825/GP-UBND 28/03/2014	306.049.315	1	306.049.315	306.049.315	209.999.880	96.049.435		96.049.435	

Ghi chú: Nguồn số liệu được tổng hợp từ Quyết định 2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.